

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày 12 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
xử lý tài sản bảo đảm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhàn

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST- KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng hoặc T Bank), địa chỉ trụ sở: đường L, quận H, thành phố Hà Nội

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 91/2018/GUQ-TPB.BĐH ngày 20 tháng 4 năm 2018); có mặt

- Bị đơn:

+ Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ), địa chỉ trụ sở: Xóm M, xã Hồng T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị U', Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B, địa chỉ: Số 2, ngõ 92 N, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H, địa chỉ: Số 2, ngõ 92 N, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B:* Ông Nguyễn Đăng K, Luật sư Văn phòng Luật sư Á Đông, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP T cấp tín dụng cho Công ty Đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01130511 CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011 và các phụ lục hợp đồng kèm theo cụ thể như sau: Tổng hạn mức cho vay là 1.364.000.000đ, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 12 tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm 03 bất động sản. Ngày 26/5/2011, Công ty Đ và TP Bank ký Phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01130511 CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011, điều chỉnh các nội dung sau: Nâng hạn mức cho vay lên thành 2.700.000.000đ; Bổ sung thêm tài sản bảo đảm là 02 bất động sản, tổng số tài sản bảo đảm là 05 bất động sản.

Ngày 13/9/2011, Công ty Đ và TP Bank ký phụ lục hợp đồng số 02 kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01130511 CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011, điều chỉnh các nội dung sau: Giảm hạn mức cho vay còn 2.337.000.000đ; giải chấp 01 tài sản bảo đảm (số tài sản bảo đảm còn lại là 04 bất động sản). Ngày 13/9/2011, Công ty Đ và T Bank ký phụ lục hợp đồng số 03 kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01130511 CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011, điều chỉnh các nội dung sau: Giảm hạn mức còn 1.945.000.000đ; giải chấp 01 tài sản bảo đảm (số tài sản bảo đảm còn lại là 03 bất động sản). Ngày 03/12/2011, Công ty Đ và T Bank ký phụ lục hợp đồng số 04 kèm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01130511 CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011, điều chỉnh nội dung: Giảm hạn mức còn 980.000.000đ; giải chấp 02 tài sản bảo đảm (số tài sản bảo đảm còn lại là 01 bất động sản). Sau nhiều lần điều chỉnh hạn mức tín dụng, số tiền thực tế TPBank đã giải ngân cho Công ty Đ là 624.000.000đ (theo Giấy nhận nợ số: 3 ngày 01/10/2011). Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 01/10/2011 đến ngày 02/4/2012; lãi suất cho vay là 23%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của T Bank trong từng thời kỳ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng 438,2m² đất ở đô thị tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53, địa chỉ: Tổ Cam Lộ 9 (nay là Số 2, ngõ 92 N), phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BA948535 do UBND quận Hồng Bàng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B (theo Hợp đồng thế chấp số 03260511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 26/5/2011 tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng). Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay vốn, Công ty Đ đã thanh toán tổng số tiền 73.002.140 đồng, trong đó nợ gốc là 421.681 đồng và nợ lãi là 72.580.459 đồng. Sau đó, từ ngày 04/4/2012, Công ty Đ đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với T Bank.

Sau khi T Bank thực hiện việc khởi kiện đối với Công ty Đ tại Tòa án nhân dân huyện An Dương, quá trình giải quyết vụ án, T Bank nhận được đơn xin tự nguyện trả nợ thay của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B đề nghị được trả nợ thay toàn bộ nợ gốc và một phần nợ lãi cho khoản vay tín dụng của Công ty Đ tại T Bank và được T Bank đồng ý.

Ngày 09/5/2022, ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đã trả nợ T Bank tổng số tiền 750.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, T Bank đã hạch toán thu 623.578.319 đồng nợ gốc còn lại và 126.421.681 đồng nợ lãi quá hạn. Như vậy, T Bank đã thu hồi khoản nợ của Công ty Đ tổng số tiền 823.002.139 đồng, bao gồm 624.000.000 đồng nợ gốc và 199.002.139 đồng nợ lãi. Tạm tính đến ngày 09/5/2022, tổng dư nợ của Công ty Đ tại T Bank là 1.933.218.442 đồng (trong đó, nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.933.218.442 đồng).

Sau khi ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị B trả nợ thay Công ty Đ số tiền 750.000.000 đồng nêu trên, T Bank đã đồng ý giải chấp, trả lại hồ sơ tài sản cho ông T, bà B đối với tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 438,2m² đất ở đô thị tại thửa số 45, tờ bản đồ số 53 địa chỉ Tổ Cam Lộ 9 (nay là số 2 Ngõ 9 N), phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 948535, số vào sổ CH 00122 do UBND quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B.

Do vậy, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Đ, cụ thể như sau:

- Rút yêu cầu khởi kiện về phần nợ gốc số tiền 623.578.319 đồng;
- Rút yêu cầu khởi kiện một phần nợ lãi quá hạn số tiền 126.421.681 đồng;
- Rút yêu cầu khởi kiện về phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng 438,2m² đất ở đô thị tại thửa số 45, tờ bản đồ số 53 địa chỉ Tổ Cam Lộ 9 (số 2 Ngõ 93 N), phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 948535, số vào sổ CH 00122 do UBND quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cấp ngày 27/4/2011.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Đ thanh toán ngay cho TBank tổng số tiền là 1.933.218.442 đồng nợ lãi quá hạn.

Đối với bị đơn là Công ty Đ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, Giấy báo có nội dung báo Công ty Đ đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm trước yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ đều vắng mặt không có lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B trình bày:

Ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B xác nhận ngày 26/5/2011, ông T và bà B có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 03260511/HĐTC-BĐS/HP.11 ngày 26/5/2011 với Ngân hàng TMCP T để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty Đ tại Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 438,2m² tại Tổ Cam Lộ 9 (nay là số 2, ngõ 92 Nguyễn Trung Thành), phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA948535 do UBND quận Hồng Bàng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên chủ sử dụng là Vũ Văn T và Phạm Thị B. Trên đất có nhà ở 01 tầng và công trình phụ do vợ chồng con trai của ông T bà B là anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H xây dựng năm 2006. Toàn bộ tài sản thế chấp tính từ thời điểm thế chấp cho đến nay vẫn được giữ nguyên, không được sửa chữa, xây mới. Các tài sản thế chấp này hiện do vợ chồng ông bà và gia đình con trai (vợ chồng anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H) quản lý sử dụng. Ông T và bà B trình bày việc ông bà sử dụng tài sản của gia đình để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty Đ tại T Bank là do thiếu hiểu biết pháp luật. Sau khi Ngân hàng TMCP T khởi kiện đối với Công ty Đ tại Tòa án, ông bà đã có đơn đề nghị với Ngân hàng xin được trả nợ thay khoản nợ gốc còn lại và một phần nợ lãi cho Công ty Đ và đề nghị được Ngân hàng giải chấp tài sản là quyền sử dụng đất nói trên cho ông T và bà B. Ngày 09/5/2022. Ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B đã trả xong toàn bộ nợ gốc còn lại là 623.578.319đồng và một phần nợ lãi là 126.421.681đồng, tổng cộng là 750.000.000đồng cho TPBank và đã được TPBank giải chấp tài sản bảo đảm nói trên cho ông bà. Do vậy, ông bà không còn yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H trình bày quan điểm:

Vợ chồng anh chị kết hôn năm 2007 và về sống cùng bố mẹ đẻ của anh Hoàng là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B tại Tổ Cam Lộ 1, phường Hùng Vương (nay là số 2/92 Nguyễn Trung Thành, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng). Gia đình hiện đang sống trên thửa đất có diện tích 438,2m² thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53, số 2/92 N, phường H, quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA948535 do UBND quận Hồng Bàng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên chủ sử dụng là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B. Trên đất có nhà ở 1 tầng mái bằng diện tích 60m² và công trình phụ do vợ chồng anh chị cùng đóng góp tiền với bố mẹ là ông T, bà B để xây dựng. Sau này, ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B đã thế chấp tài sản nói trên để đảm bảo cho khoản vay tín dụng của Công ty Đ tại Ngân hàng Tiên Phong. Ngày 09/5/2022, ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B đã thay Công ty Đ trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 623.578.319đồng và một phần nợ lãi quá hạn là 126.421.681đồng, tổng cộng là 750.000.000đồng và đã được Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm nói trên, do đó, anh chị không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 440 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ lãi quá hạn chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng là 1.933.218.442 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 623.578.319 đồng và một phần nợ lãi quá hạn là 126.421.681 đồng của Ngân hàng đối với Công ty Đ. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tuyên phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 438,2m² thuộc số thửa 45, tờ bản đồ số 53, Tờ Cam Lộ 9 (nay là số 2, ngõ 92 N, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA948535 do UBND quận Hồng Bàng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B.

Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn là Công ty Đ (người đại diện theo pháp luật là bà Vũ Thị Ước) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B; anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị B, anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ căn cứ xác định giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty Đ có quan hệ tín dụng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01130511CB/HP-

TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Sau nhiều lần điều chỉnh hạn mức tín dụng qua các phụ lục hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ số tiền là 624.000.000đồng tại Giấy nhận nợ số: 3 ngày 01/10/2011.

[4.2] Xét thấy, hợp đồng trên được các bên thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự. Về hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng trên là hợp pháp và là căn cứ pháp lý phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[4.3] Số tiền thực tế Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ là 624.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng (từ 01/10/2011 đến ngày 02/4/2012) với lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 23%/năm, lãi suất thay đổi theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ mới thanh toán được một phần nợ gốc là: 421.681đồng, số nợ gốc còn lại là 623,578.319đồng, Công ty Đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với TPBank, không thanh toán nợ cho TPBank theo như đã thỏa thuận cam kết trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nhưng Công ty Đ không thực hiện. Về phía Công ty Đ tuy không có lời khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty về khoản nợ tín dụng tại Ngân hàng nhưng trên cơ sở trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở kết luận về việc Công ty Đ đã thực hiện vay tín dụng tại Ngân hàng theo khế ước nhận nợ nêu trên và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ.

[4.4] Xét số dư nợ Công ty Đ còn phải trả cho Ngân hàng: Theo các đương sự trình bày: Ngày 09/5/2022, ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B đã tự nguyện trả nợ thay cho Công ty Đ toàn bộ số nợ gốc còn lại là 623.548.319đồng và một phần nợ lãi quá hạn là 126.421.681đồng. Số dư còn lại của Công ty Đ tại Ngân hàng tính đến ngày 09/5/2022 là: 1.933.218.442đồng (trong đó: Nợ gốc: 0đồng, nợ lãi quá hạn: 1.933.218.442đồng). Ngày 10 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ số nợ gốc còn lại là 623.578.319đồng và một phần nợ lãi quá hạn số tiền là 126.421.681đồng đối với Công ty Đ. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc còn lại 623.578.319đồng và một phần nợ lãi quá hạn số tiền 126.421.681đồng của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với số nợ lãi quá hạn còn lại chưa thanh toán là: 1.933.218.442đồng cần buộc Công ty Đ phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

[5] Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 438,2m² thuộc sổ thửa 45, tờ bản đồ số 53, Tờ Cam Lộ 9 (nay là số 2 ngõ 92 N, phường H, quận Hồng Bàng, Hải Phòng), đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA948535 do UBND quận Hồng Bàng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B đã được Ngân hàng TMCP T giải chấp cho người có tài sản bảo đảm là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B. Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tuyên phát mại tài sản bảo đảm nói trên. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện đối với việc xử lý

tài sản bảo đảm của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị B, anh Vũ Huy H và chị Phạm Thị Hiệp H không có ý kiến đề nghị gì khác về tài sản bảo đảm đã thế chấp tại Ngân hàng và đã được giải chấp nên không xem xét.

[6] Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ lãi quá hạn còn lại là: 1.933.218.442 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi ba triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

2. Đình chỉ số tiền nợ gốc còn lại là 623.578.318 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm mười tám đồng) và số tiền lãi quá hạn là 126.421.681 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi một nghìn sáu trăm tám mươi một đồng) lãi phạt chậm trả của Công ty Đ tại Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng tín dụng số 01130511CB/HP-TPB/HMTD.11 ngày 13/5/2011 và Giấy nhận nợ số: 3 ngày 01/10/2011.

3. Đình chỉ yêu cầu tuyên phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 438,2m² thuộc sổ thửa 45, tờ bản đồ số 53, Tổ 9 Cam Lộ (Nay là số 2, ngõ 92 Nguyễn Trung Thành, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA948535 do UBND quận Hồng Bàng cấp ngày 27/4/2011 đứng tên ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Ngân hàng TMCP T) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Đ) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng thương mại và dịch vụ Đ phải nộp 69.996.000đồng án phí sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương là 38.357.620đồng (theo Biên lai thu tiền số 0012626 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- THADS huyện An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn

